CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng công ty IDICO - CTCP

Ngày 31/12/2025	36,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.1%	**-0.7%**	**-9.2%**

DT thuần
Q4/25
2,160
tỷ VNĐ
QoQ: ▼711| -24.8%
YoY: ▲ 205| 10.5%

LN thuần
Q4/25
663
tỷ VNĐ
QoQ: ▼547| -45.2%
YoY: ▲ 131| 24.6%

LN sau thuế
Q4/25
540
tỷ VNĐ
QoQ: ▼441| -45.0%
YoY: ▲ 102| 23.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
35.6%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE
2025
25.0%
YoY: +/-▼ 4.8%

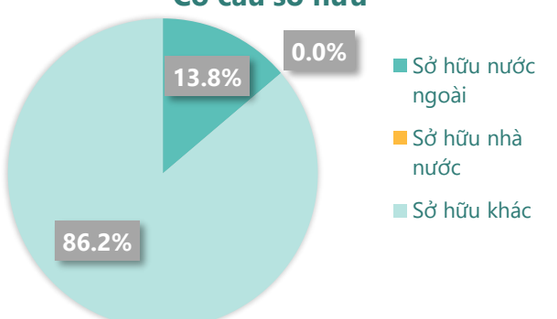
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	28,714 - 46,406
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,814
Số lượng CPLH (CP)	379,498,823
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,315,925
Sở hữu nước ngoài	13.8%
Beta	1.04
EPS	5,090
P/E	7.2

DT thuần
2025
8,588
tỷ VNĐ
YoY: ▼258| -2.9%

LN thuần
2025
2,840
tỷ VNĐ
YoY: ▼133| -4.5%

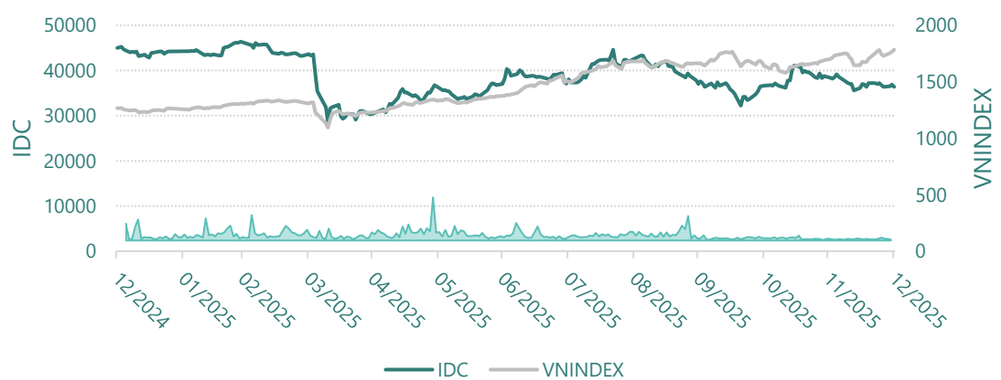
LN sau thuế
2025
2,354
tỷ VNĐ
YoY: ▼38.0| -1.6%

Cơ cấu sở hữu

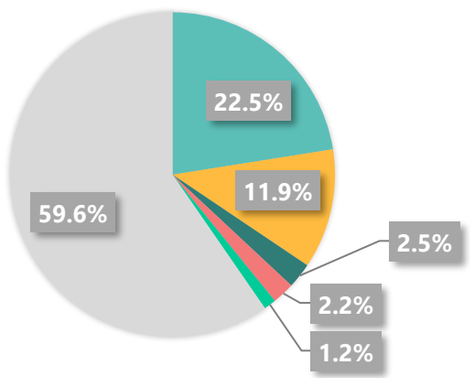


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



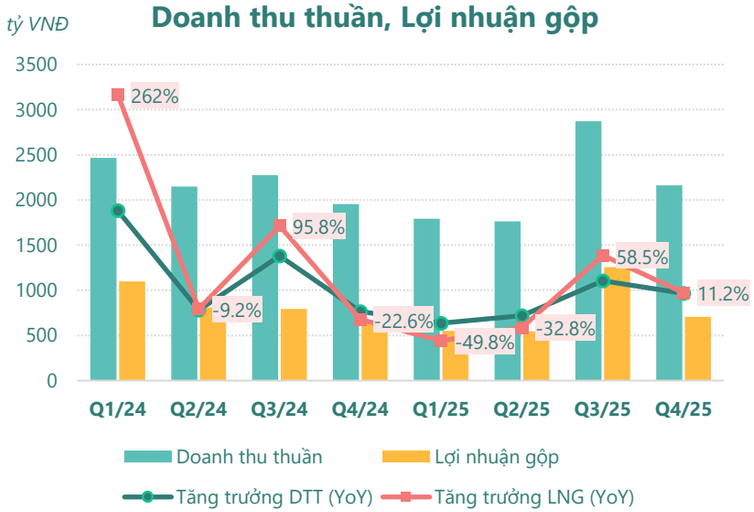
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

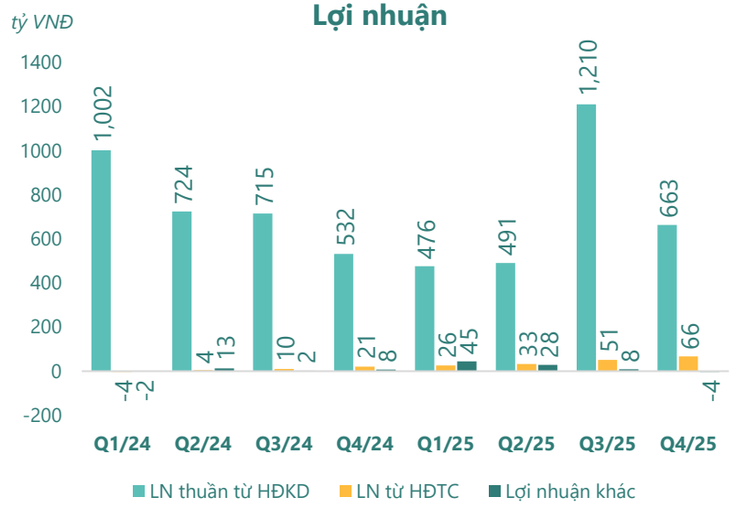
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



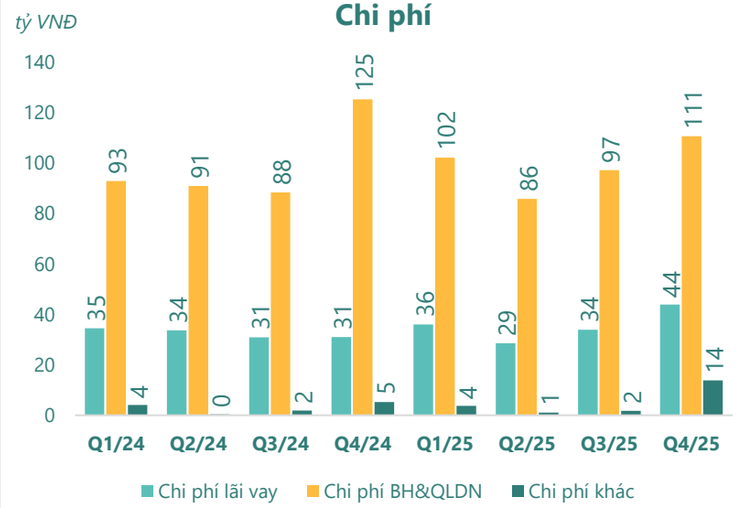
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



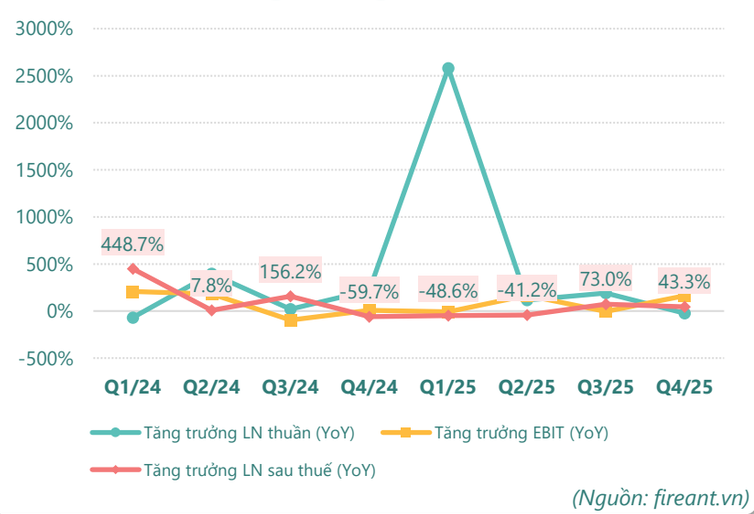
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



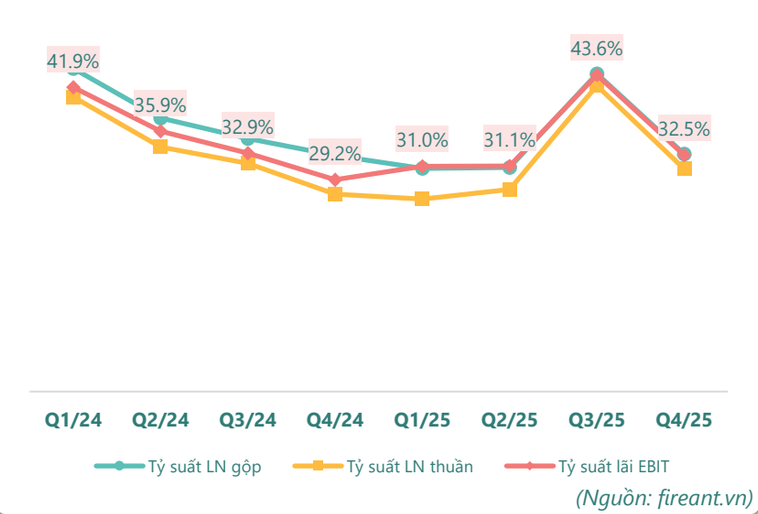
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



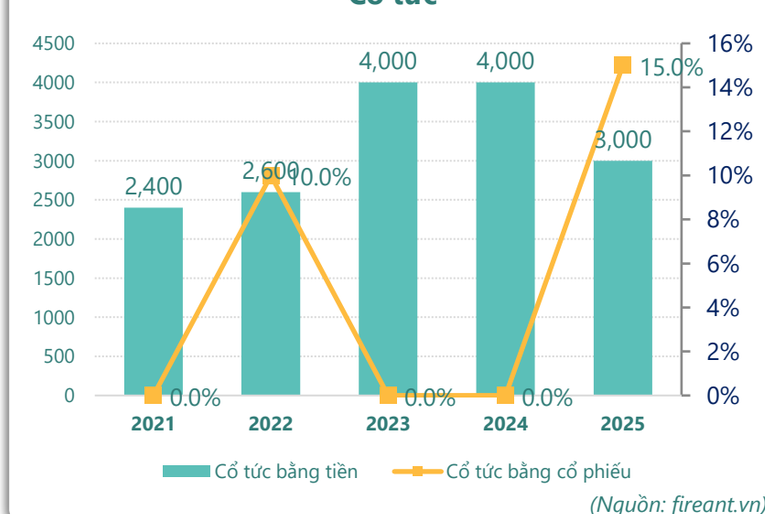
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

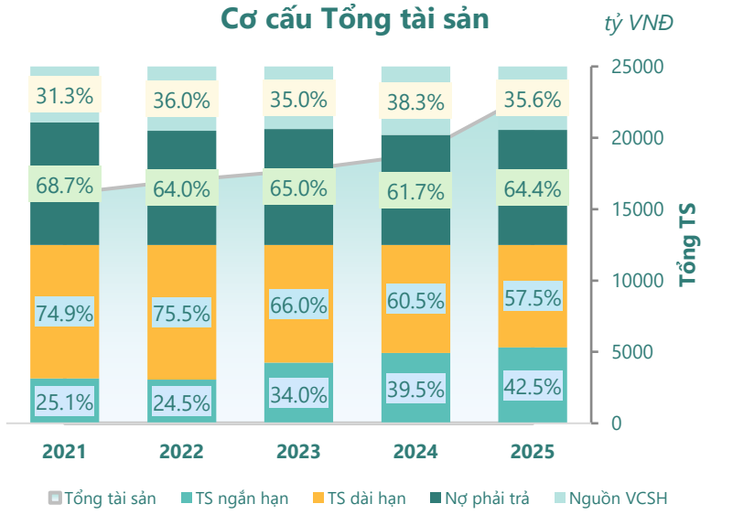
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

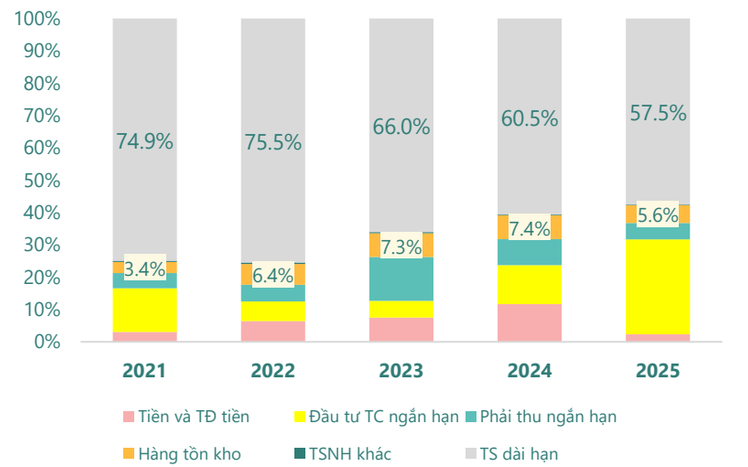
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



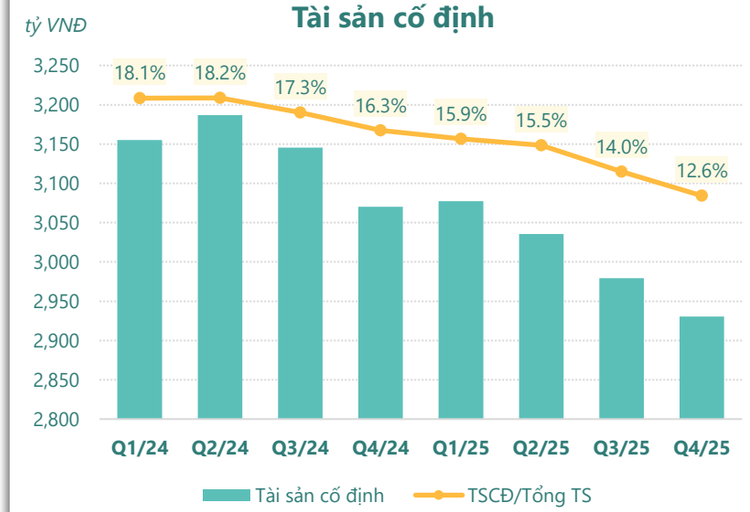
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



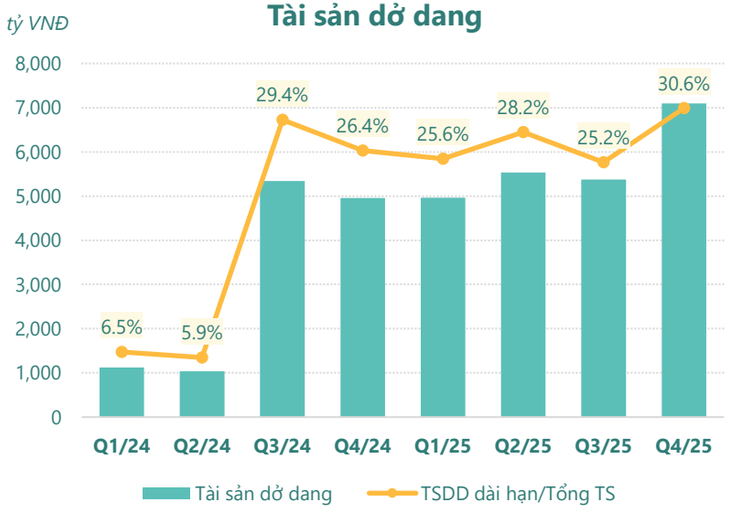
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



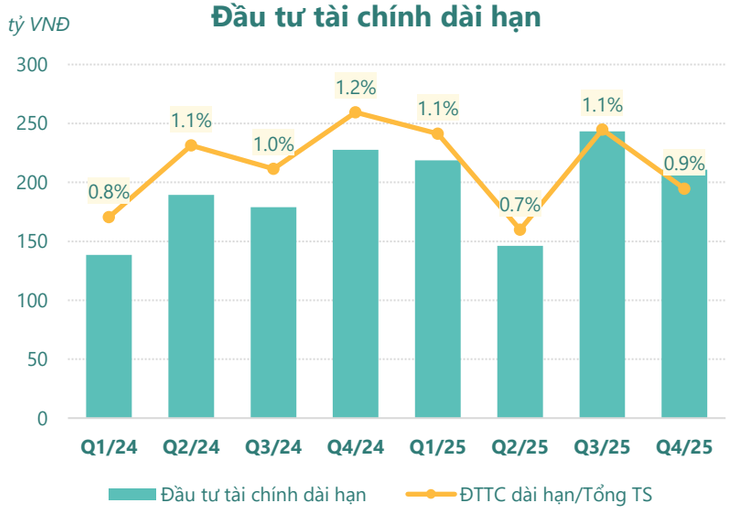
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



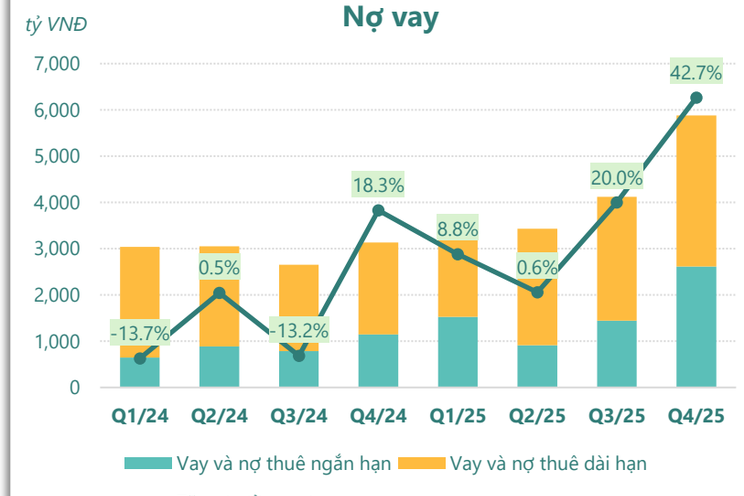
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

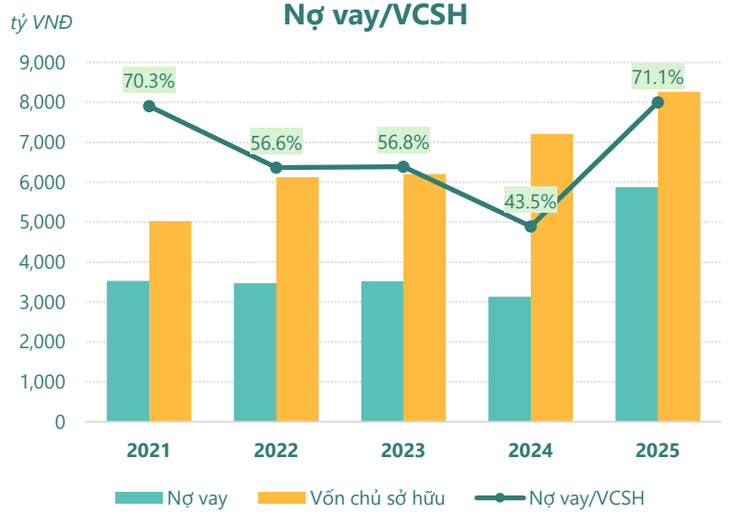
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

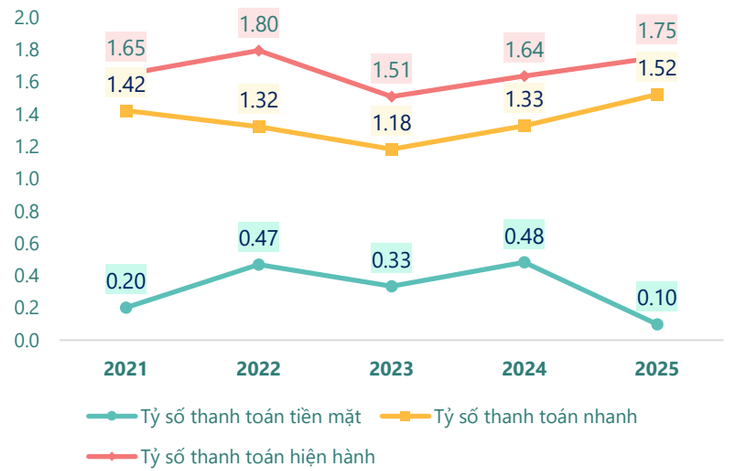
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



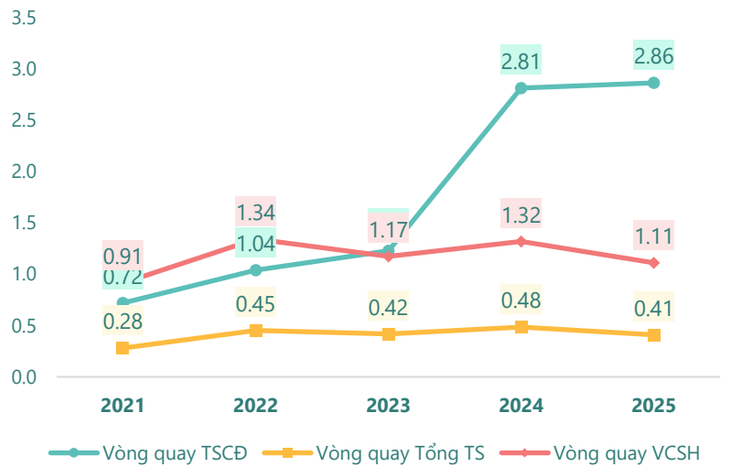
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



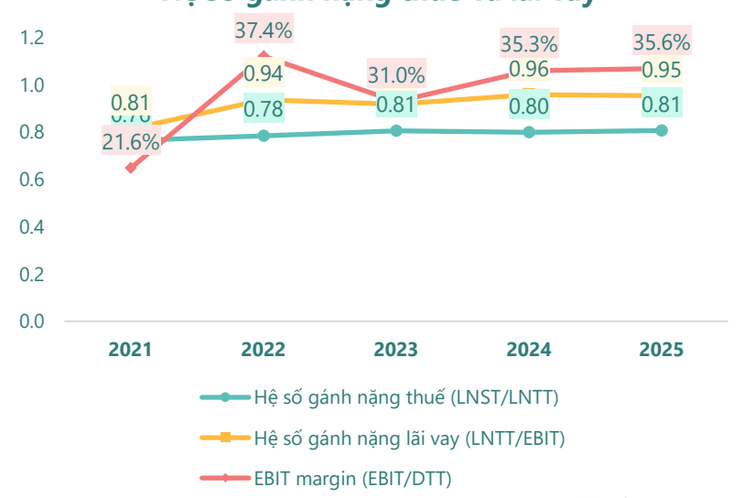
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



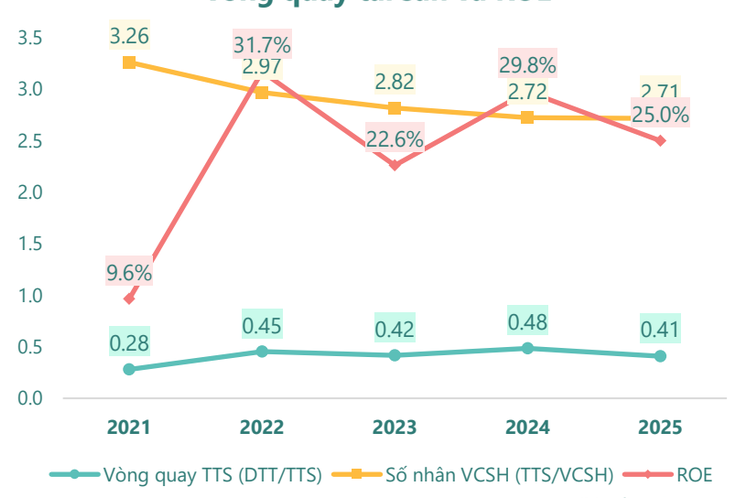
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



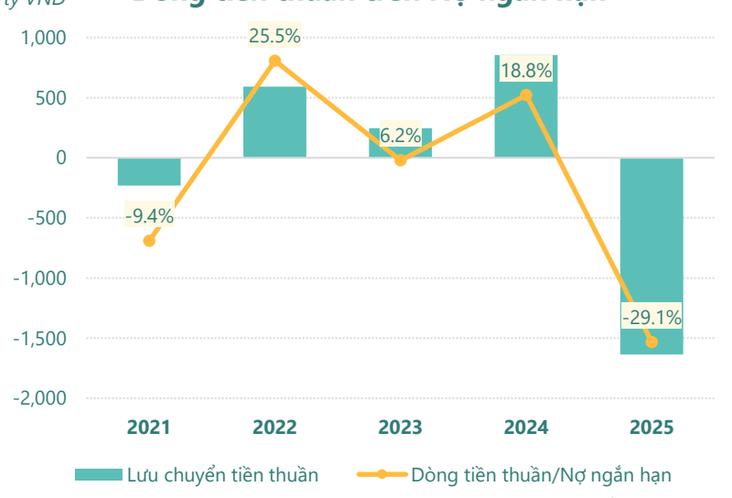
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,160**	**1,955**	**10.5%**	**8,588**	**8,846**	**-2.9%**
Giá vốn hàng bán	1,453	1,320	10.1%	5,528	5,509	0.3%
Lợi nhuận gộp	707	636	11.2%	3,060	3,337	-8.3%
Doanh thu HĐTC	109	53.1	105%	322	168	91.5%
Chi phí TC	42.5	31.9	33.1%	146	136	6.9%
Chi phí lãi vay	43.9	31.1	41.1%	142	130	9.3%
LN trong công ty LKLD	**0.18**	**-0.10**	**281%**	**0.06**	**1.88**	**-96.9%**
Chi phí bán hàng	18.6	26.2	-29.0%	94.9	123	-22.6%
Chi phí QLDN	**92.1**	**99.2**	**-7.1%**	**301**	**275**	**9.5%**
LN thuần từ HĐKD	663	532	24.6%	2,840	2,973	-4.5%
Lợi nhuận khác	**-3.68**	**8.04**	**-146%**	**77.6**	**20.0**	**288%**
LN trước thuế	659	540	22.1%	2,918	2,993	-2.5%
Lợi nhuận sau thuế	**540**	**438**	**23.3%**	**2,354**	**2,392**	**-1.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**449**	**358**	**25.4%**	**1,932**	**1,996**	**-3.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,257	303	593	809	1,542	970
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-557	34.2	-745	-1,693	-2,242	-2,329
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-423	563	257	-546	629	1,121
Tiền đầu kỳ	1,010	1,288	2,188	2,293	863	792
Lưu chuyển tiền thuần	**277**	**900**	**105**	**-1,430**	**-71.6**	**-239**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.06	0.07	0.00	0.04	0.02	0.00
Tiền cuối kỳ	1,288	2,188	2,293	863	792	553

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**23,201**	**18,800**	**23.4%**
Tài sản ngắn hạn	9,857	7,422	32.8%
Tiền và tương đương tiền	553	2,188	-74.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6,807	2,264	201%
Phải thu ngắn hạn	1,157	1,515	-23.6%
Hàng tồn kho	1,299	1,401	-7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	41.0	54.2	-24.4%
Tài sản dài hạn	**13,345**	**11,378**	**17.3%**
Phải thu dài hạn	80.7	103	-21.9%
Tài sản cố định	2,931	3,069	-4.5%
Bất động sản đầu tư	2,574	2,539	1.4%
Tài sản dở dang	7,094	4,959	43.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	211	228	-7.6%
Tài sản dài hạn khác	**436**	**447**	**-2.5%**
Lợi thế thương mại	18.0	32.1	-43.9%
Nợ phải trả	14,938	11,593	28.9%
Nợ ngắn hạn	**5,621**	**4,533**	**24.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,612	1,144	128%
Phải trả người bán ngắn hạn	324	302	7.5%
Nợ dài hạn	9,318	7,059	32.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,265	1,992	63.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,263**	**7,208**	**14.6%**
Vốn chủ sở hữu	**8,263**	**7,208**	**14.6%**
Vốn điều lệ	3,795	3,300	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)